



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2402/50

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Bắc Sơn 1
Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Ngày nhận mẫu : 27/02/2024
Ngày phân tích : 27/02/2024 đến 15/03/2024

| TT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Kết quả phân tích | | Phương pháp phân tích |
|--------|--------------------|-----------|---------------------|---------------------|---|
| | | | BS1 | QCVN 01-1:2018/BYT | |
| 1. | pH | - | 6,95 | 6,0 – 8,5 | TCVN 6492:2011 |
| 2. | Clo dư | mg/L | 0,42 | 0,2 – 1,0 | SMEWW 4500-CI-G:2017 |
| 3. | Độ đục | NTU | <0,2 | 2 | TCVN 6184:2008 |
| 4. | Màu sắc | TCU | <5 | 15 | TCVN 6185:2015 |
| 5. | Mùi, vị | - | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017 |
| 6. | Asen (As) | mg/L | <0,002 | 0,01 | US EPA 200.8 |
| 7. (*) | Coliform tổng số | CFU/100mL | KPH (LOD=1) | < 3 | TCVN 6187-1:2019 |
| 8. (*) | E.Coli | | KPH (LOD=1) | < 1 | |

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà

Bùi Quang Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
3. Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
4. Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2402/51

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Bắc Sơn 1 đầu mạng cấp
Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Ngày nhận mẫu : 27/02/2024
Ngày phân tích : 27/02/2024 đến 15/03/2024

| TT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Kết quả phân tích | QCVN | Phương pháp phân tích |
|--------|--------------------|-----------|---------------------|---------------------|---|
| | | | BS1-NM1 | 01-1:2018/BYT | |
| 1. | pH | - | 6,88 | 6,0 – 8,5 | TCVN 6492:2011 |
| 2. | Clo dư | mg/L | 0,49 | 0,2 – 1,0 | SMEWW 4500-Cl-G:2017 |
| 3. | Độ đục | NTU | <0,2 | 2 | TCVN 6184:2008 |
| 4. | Màu sắc | TCU | <5 | 15 | TCVN 6185:2015 |
| 5. | Mùi, vị | - | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017 |
| 6. | Asen (As) | mg/L | <0,002 | 0,01 | US EPA 200.8 |
| 7. (*) | Coliform tổng số | CFU/100mL | KPH (LOD=1) | < 3 | TCVN 6187-1:2019 |
| 8. (*) | E.Coli | | KPH (LOD=1) | < 1 | |

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà

Bùi Quang Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
3. Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
4. Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2402/52

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Bắc Sơn 1 cuối mạng cấp
Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Ngày nhận mẫu : 27/02/2024
Ngày phân tích : 27/02/2024 đến 15/03/2024

| TT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Kết quả phân tích | QCVN | Phương pháp phân tích |
|--------|--------------------|-----------|---------------------|---------------------|---|
| | | | BS1-NM2 | 01-1:2018/BYT | |
| 1. | pH | - | 6,91 | 6,0 – 8,5 | TCVN 6492:2011 |
| 2. | Clo dư | mg/L | 0,40 | 0,2 – 1,0 | SMEWW 4500-Cl-G:2017 |
| 3. | Độ đục | NTU | <0,2 | 2 | TCVN 6184:2008 |
| 4. | Màu sắc | TCU | <5 | 15 | TCVN 6185:2015 |
| 5. | Mùi, vị | - | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017 |
| 6. | Asen (As) | mg/L | <0,002 | 0,01 | US EPA 200.8 |
| 7. (*) | Coliform tổng số | CFU/100mL | KPH (LOD=1) | < 3 | TCVN 6187-1:2019 |
| 8. (*) | E.Coli | | KPH (LOD=1) | < 1 | |

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà



Bùi Quang Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
3. Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
4. Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2402/53

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Bắc Sơn 2
Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Ngày nhận mẫu : 27/02/2024
Ngày phân tích : 27/02/2024 đến 15/03/2024

| TT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Kết quả phân tích | QCVN | Phương pháp phân tích |
|--------|--------------------|-----------|---------------------|---------------------|---|
| | | | BS2 | 01-1:2018/BYT | |
| 1. | pH | - | 7,23 | 6,0 – 8,5 | TCVN 6492:2011 |
| 2. | Clo dư | mg/L | 0,42 | 0,2 – 1,0 | SMEWW 4500-Cl-G:2017 |
| 3. | Độ đục | NTU | <0,2 | 2 | TCVN 6184:2008 |
| 4. | Màu sắc | TCU | <5 | 15 | TCVN 6185:2015 |
| 5. | Mùi, vị | - | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017 |
| 6. | Asen (As) | mg/L | <0,002 | 0,01 | US EPA 200.8 |
| 7. (*) | Coliform tổng số | CFU/100mL | KPH (LOD=1) | < 3 | TCVN 6187-1:2019 |
| 8. (*) | E.Coli | | KPH (LOD=1) | < 1 | |

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà



Bùi Quang Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
3. Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
4. Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2402/54

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Bắc Sơn 2 đầu mạng cấp
Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Ngày nhận mẫu : 27/02/2024
Ngày phân tích : 27/02/2024 đến 15/03/2024

| TT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Kết quả phân tích | QCVN | Phương pháp phân tích |
|--------|--------------------|-----------|---------------------|---------------------|---|
| | | | BS2-NM1 | 01-1:2018/BYT | |
| 1. | pH | - | 7,21 | 6,0 – 8,5 | TCVN 6492:2011 |
| 2. | Clo dư | mg/L | 0,47 | 0,2 – 1,0 | SMEWW 4500-Cl-G:2017 |
| 3. | Độ đục | NTU | <0,2 | 2 | TCVN 6184:2008 |
| 4. | Màu sắc | TCU | <5 | 15 | TCVN 6185:2015 |
| 5. | Mùi, vị | - | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017 |
| 6. | Asen (As) | mg/L | <0,002 | 0,01 | US EPA 200.8 |
| 7. (*) | Coliform tổng số | CFU/100mL | KPH (LOD=1) | < 3 | TCVN 6187-1:2019 |
| 8. (*) | E.Coli | | KPH (LOD=1) | < 1 | |

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà



Bùi Quang Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
3. Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
4. Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2402/55

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Bắc Sơn 2 cuối mạng cấp
Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Ngày nhận mẫu : 27/02/2024
Ngày phân tích : 27/02/2024 đến 15/03/2024

| TT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Kết quả phân tích | QCVN 01- 1:2018/BYT | Phương pháp phân tích |
|--------|--------------------|---------------|---------------------|---------------------------|---|
| | | | BS2-NM2 | | |
| 1. | pH | - | 7,22 | 6,0 – 8,5 | TCVN 6492:2011 |
| 2. | Clo dư | mg/L | 0,40 | 0,2 – 1,0 | SMEWW 4500-Cl-G:2017 |
| 3. | Độ đục | NTU | <0,2 | 2 | TCVN 6184:2008 |
| 4. | Màu sắc | TCU | <5 | 15 | TCVN 6185:2015 |
| 5. | Mùi, vị | - | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017 |
| 6. | Asen (As) | mg/L | <0,002 | 0,01 | US EPA 200.8 |
| 7. (*) | Coliform tổng số | CFU/ 100mL | KPH (LOD=1) | < 3 | TCVN 6187-1:2019 |
| 8. (*) | E.Coli | | KPH (LOD=1) | < 1 | |

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà



Bùi Quang Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
3. Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
4. Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2402/56

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Bắc Sơn 3
Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Ngày nhận mẫu : 27/02/2024
Ngày phân tích : 27/02/2024 đến 15/03/2024

| TT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Kết quả phân tích | QCVN | Phương pháp phân tích |
|--------|--------------------|-----------|---------------------|---------------------|---|
| | | | BS3 | 01-1:2018/BYT | |
| 1. | pH | - | 6,99 | 6,0 – 8,5 | TCVN 6492:2011 |
| 2. | Clo dư | mg/L | 0,33 | 0,2 – 1,0 | SMEWW 4500-Cl-G:2017 |
| 3. | Độ đục | NTU | <0,2 | 2 | TCVN 6184:2008 |
| 4. | Màu sắc | TCU | <5 | 15 | TCVN 6185:2015 |
| 5. | Mùi, vị | - | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017 |
| 6. | Asen (As) | mg/L | <0,002 | 0,01 | US EPA 200.8 |
| 7. (*) | Coliform tổng số | CFU/100mL | KPH (LOD=1) | < 3 | TCVN 6187-1:2019 |
| 8. (*) | E.Coli | | KPH (LOD=1) | < 1 | |

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà



Bùi Quang Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
3. Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
4. Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2402/57

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Bắc Sơn 3 đầu mạng cấp
Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Ngày nhận mẫu : 27/02/2024
Ngày phân tích : 27/02/2024 đến 15/03/2024

| TT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Kết quả phân tích | QCVN 01- 1:2018/BYT | Phương pháp phân tích |
|--------|--------------------|---------------|---------------------|---------------------------|---|
| | | | BS3-NM1 | | |
| 1. | pH | - | 7,02 | 6,0 – 8,5 | TCVN 6492:2011 |
| 2. | Clo dư | mg/L | 0,38 | 0,2 – 1,0 | SMEWW 4500-CI-G:2017 |
| 3. | Độ đục | NTU | <0,2 | 2 | TCVN 6184:2008 |
| 4. | Màu sắc | TCU | <5 | 15 | TCVN 6185:2015 |
| 5. | Mùi, vị | - | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017 |
| 6. | Asen (As) | mg/L | <0,002 | 0,01 | US EPA 200.8 |
| 7. (*) | Coliform tổng số | CFU/ 100mL | KPH (LOD=1) | < 3 | TCVN 6187-1:2019 |
| 8. (*) | E.Coli | | KPH (LOD=1) | < 1 | |

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà



Bùi Quang Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
3. Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
4. Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2402/58

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Bắc Sơn 3 cuối mạng cấp
Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Ngày nhận mẫu : 27/02/2024
Ngày phân tích : 27/02/2024 đến 15/03/2024

| TT | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Kết quả phân tích | QCVN | Phương pháp phân tích |
|--------|--------------------|-----------|---------------------|---------------------|---|
| | | | BS3-NM2 | 01-1:2018/BYT | |
| 1. | pH | - | 7,02 | 6,0 – 8,5 | TCVN 6492:2011 |
| 2. | Clo dư | mg/L | 0,31 | 0,2 – 1,0 | SMEWW 4500-CI-G:2017 |
| 3. | Độ đục | NTU | <0,2 | 2 | TCVN 6184:2008 |
| 4. | Màu sắc | TCU | <5 | 15 | TCVN 6185:2015 |
| 5. | Mùi, vị | - | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017 |
| 6. | Asen (As) | mg/L | <0,002 | 0,01 | US EPA 200.8 |
| 7. (*) | Coliform tổng số | CFU/100mL | KPH (LOD=1) | < 3 | TCVN 6187-1:2019 |
| 8. (*) | E.Coli | | KPH (LOD=1) | < 1 | |

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà



Bùi Quang Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
3. Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
4. Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ